

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1M7/2023/HNGĐ-ST;
Ngày: 13-12-2023.
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Quí Quốc**.

2/ Ông **Nguyễn Kim Huy Bằng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Nhật Minh**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 559/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1132/2023/QĐXX-ST ngày 2M/11/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Chị Vũ Thị N** - sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số M0/6 Lý Thường Kiệt, Khu phố 6, Phường M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** **Anh Trần Ngọc Đ** - sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số M0/6 Lý Thường Kiệt, Khu phố 6, Phường M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày: Chị và anh Trần Ngọc Đ tự nguyện kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hòa thuận với nhau. Đến đầu năm 2023 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Đ Nhân, sinh ngày 25/01/1998 và Trần Đ Như, sinh ngày 22/03/2004, hiện hai cháu đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn đề ngày 07/11/2023 anh Trần Ngọc Đ trình bày: Anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N và đề nghị Toà án cho vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số M0/6 Lý Thường Kiệt, Khu phố 6, Phường M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị N và anh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[M] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N, Tòa xét thấy: Chị N trình bày năm 2023 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến về kinh tế, thường xuyên cự cãi, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2023. Tại đơn đề nghị ngày 07/11/2023, anh Đ thống nhất với chị N về nguyên nhân mâu thuẫn và đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N. Do đó xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Đ.

[5] Về con chung: Đã trưởng thành nên Toà án không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có nên Toà án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 1M7 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1M ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N.

Về tình cảm: Chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Trần Ngọc Đ.

2. Án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002M3M5 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND Phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy